

2732TK

1996

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC KX.03

Đề tài cấp Nhà nước

NGUYÊN NHÂN CỦA TÌNH TRẠNG LẠM PHÁT
KÉO DÀI Ở NƯỚC TA.
LUẬN CỨ KHOA HỌC CỦA NHỮNG BIỆN PHÁP
KIỂM CHẾ VÀ GIẢM LẠM PHÁT Ở VIỆT NAM

Mã số: KX.03.10

HÀ NỘI 1993

TRUNG TÂM THÔNG TIN KỸ THUẬT
Số: 2732

30/7/96

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC KX.03

Ban chủ nhiệm đề tài KX.03.10:

1. GS.TS Phan Văn Tiêm, Chủ nhiệm
2. PTS Lê Xuân Nghĩa, Phó chủ nhiệm
3. PGS.PTS Ngô Trí Long, Thư ký khoa học

Cộng tác viên khoa học:

- | | |
|---------------------------------|----------------------------------------|
| 1. PTS. Nguyễn Ngọc Minh | Ngân hàng Nhà nước Việt nam |
| 2. KS. Lê Văn Tân | Ban Vật giá Chính phủ |
| 3. KS. Nguyễn Văn Quát | Bộ Tài chính |
| 4. PTS. Lê Đình Thu | Ban Kinh tế Trung ương |
| 5. PTS. Đặng Đức Đạm | Viện nghiên cứu quản lý kinh tế TW |
| 6. PGS.TS. Lê Du Phong | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà nội |
| 7. PTS. Trần Kim Đồng | Tổng cục Thống kê |
| 8. KS. Tạ Thị Xuân | Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường |
| 9. PTS. Vũ Xuân Kiều | Tạp chí Cộng sản |
| 10. PGS.PTS. Nguyễn Đình Hương | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà nội |
| 11. KS. Huỳnh Quang Tuấn | Ban Vật giá Chính phủ |
| 12. KS. Ngô Tuấn Kiệt | Ngân hàng Nhà nước Việt nam |
| 13. KS. Trần Tô Từ | Thành phố Hồ chí Minh |
| 14. PGS.PTS. Nguyễn Thang Tuyên | Trường Đại học Tài chính TP.HCM |
| 15. KS. Vũ Ngọc Nhung | Thành phố Hồ chí Minh |
| 16. PGS.PTS. Trần Thị Cảnh | Thành phố Hồ chí Minh |
| 17. KS Trần Cao Nguyên | Hội đồng TC.TT Nhà nước |
| 18. PGS.TS. Nguyễn Bích Đạt | Ủy Ban Nhà nước Hợp tác-Đầu tư |
| 19. PTS. Trần Minh Đạo | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà nội |
| 20. PGS. PTS. Trần Đình Ty | Học Viện Hành chính Quốc gia |
| 21. KS. Lê Xuân Bá | Viện nghiên cứu quản lý kinh tế TW |
| 22. KS. Hoàng Kinh | Trường Đại học Thương nghiệp |
| 23. KS. Đỗ Ngọc Bích | Trường Đại học Thương nghiệp |
| 24. KS. Đào Thái Dũng | Viện Mác Lê nin |
| 25. PTS. Nguyễn Trung Nhật | Bộ Thương Mại |

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	1
<hr/>	
• CHUYÊN ĐỀ THỨ NHẤT:	7
NGUYÊN NHÂN, THỰC TRẠNG VÀ QUÁ TRÌNH CHỐNG LẠM PHÁT Ở VIỆT NAM	
A. Diễn biến lạm phát trong nền kinh tế Việt nam qua các giai đoạn và đặc trưng của nó	8
I. Lạm phát trong giai đoạn từ 1980 trở về trước.....	8
II. Giai đoạn 1981-1985.....	20
III. Công cuộc cải cách giá lương tiền quý IV năm 1985 và giai đoạn siêu lạm phát 1986 - 1988	32
IV. Giai đoạn kiềm chế và đẩy lùi lạm phát cao (2 con số) từ 1989 đến nay (quý III - 1993).....	43
B. Về nguyên nhân của thực trạng lạm phát kéo dài ở Việt nam	60
I. Vấn đề phương pháp luận phân tích nguyên nhân lạm phát	60
II. Nguyên nhân của lạm phát kéo dài trong nền kinh tế nước ta	70
<hr/>	
• CHUYÊN ĐỀ THỨ HAI:	77
HỆ THỐNG CÁC QUAN ĐIỂM THEO ĐỊNH HƯỚNG CHO CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN CHỐNG LẠM PHÁT Ở VIỆT NAM	
I. Thực tiễn chống lạm phát ở nước ta.....	78
II. Quan điểm sản xuất quyết định	81
III. Chống lạm phát bằng các giải pháp kiểm soát nhu cầu và chống bùng nổ cầu quá mức.....	87
IV. Quan điểm chống lạm phát bằng cách thắt chặt tín dụng và thi hành chính sách "ngân sách cứng".....	89
V. Quan điểm cải cách, đổi mới để chống lạm phát	93
<hr/>	
• CHUYÊN ĐỀ THỨ BA:	97
NHỮNG GIẢI PHÁP KIỂM CHẾ VÀ GIẢM LẠM PHÁT ĐỂ ỔN ĐỊNH NỀN KINH TẾ VIỆT NAM	
I. Biện pháp lành mạnh hóa ngân sách Nhà nước và đổi mới chính sách thuế	97
II. Tăng cường sử dụng các công cụ của chính sách tiền tệ	105

III. Biện pháp giá cả	118
IV. Các biện pháp tác động về phía cung và cơ cấu cung hàng hóa góp phần tạo cân đối tiền hàng.....	120
<hr/>	
• CHUYÊN ĐỀ THỨ TƯ:	129
NHỮNG GIẢI PHÁP ỔN ĐỊNH SỨC MUA ĐỒNG TIỀN THÔNG QUA ĐIỀU HÀNH GIÁ VÀNG VÀ TỶ GIÁ ĐÔ LA MỸ	
I. Ổn định sức mua đồng tiền: Chính sách giá cả hàng hóa, hối xuất, lãi xuất và tỷ giá vàng.....	130
1. Về sức mua đồng tiền ổn định.....	130
2. Tính hai mặt của sức mua đồng tiền, tác động và mối quan hệ của chúng.....	132
3. Sự tác động, mối quan hệ giữa đồng ngân hàng Việt nam với giá vàng và tỷ giá đô la (USD).....	140
II. Những kinh nghiệm điều hành giá vàng và tỷ giá đô la (USD) để ổn định sức mua đồng tiền ở nước ta thời gian qua và những năm tới.....	153
1. Những kinh nghiệm bước đầu về điều hành giá vàng và tỷ giá USD để ổn định sức mua đồng tiền Việt nam.....	153
2. Xác định tỷ giá hợp lý để có biện pháp ổn định giá vàng và tỷ giá USD.....	164
<hr/>	
• CHUYÊN ĐỀ THỨ NĂM	175
ĐÁNH GIÁ CÁC KHẢ NĂNG TÁI XUẤT HIỆN GIẢM PHÁT VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP PHÒNG	
I. Giảm phát và các biểu hiện giảm phát trong nền kinh tế nước ta ..	176
II. Những hệ quả kinh tế - xã hội của hiện tượng giảm phát đối với sự phát triển kinh tế	182
1. Hệ quả giảm phát năm 1989 và sự phân tích những hệ quả đó.....	182
2. Giảm phát trong các năm 1992 - 1993 và phân tích hệ quả .	195
III. Những khả năng tái xuất hiện giảm phát và lạm phát cao trong nền kinh tế Việt nam và giải pháp phòng ngừa	207
Những kết luận chủ yếu.....	214
Phụ lục	
Danh mục tài liệu tham khảo.....	235

LỜI NÓI ĐẦU

Lạm phát ngày nay đã không còn là hiện tượng xa lạ trong đời sống kinh tế của hầu hết các dân tộc trên trái đất. Hiện tượng kinh tế đặc thù này đã xuất hiện từ lâu (có đến mấy trăm năm và hơn nữa), khi kinh tế hàng hoá đã phát triển đến một giai đoạn cao, bao quát toàn bộ các quá trình sản xuất-tiêu dùng sản phẩm xã hội trong mỗi nước. Giai đoạn đó được đánh dấu bởi vai trò của đồng tiền giấy trở thành có ý nghĩa chi phối trong mọi quan hệ lưu thông. Trao đổi hàng hoá. Đã từ lâu người ta ghi nhận biểu hiện của lạm phát như một sự tăng tổng thể giá cả có tính thường xuyên, liên tục trong từng quãng thời gian, trong từng niên độ kinh tế hoặc các thời đoạn của nó. Chỉ số chung tăng giá hàng tiêu dùng và dịch vụ (sản phẩm sau cùng) trở thành thước đo mức độ lạm phát được công nhận phổ biến. Đó là chỉ số điển hình nhất được công nhận. Người ta cũng phân biệt mức độ lạm phát một con số (dưới 10% hàng năm), hai con số (10%-dưới 100%) và ba con số, bốn con số (đơn vị trăm và ngàn phần trăm hoặc cao hơn nữa).

Khi chỉ số lạm phát đã ở mức vượt khỏi phạm vi 1 con số không được kiểm soát, chế ngự thị trường có hệ quả mang ác tính. Đó là trường hợp siêu lạm phát 3 - 4 con số hoặc hơn nữa. Trạng thái lạm phát trở thành ác tính là trạng thái bệnh hoạn kinh tế-trở thành con bệnh lạm phát. Và từ đó, vấn đề chống lạm phát được đặt ra như một chính sách, chiến lược của quá trình điều hành sự phát triển của nền kinh tế, trở thành đối tượng của khoa học kinh tế và quản lý kinh tế, sự mệnh và thách thức đối với Nhà nước, tất cả các Chính phủ có chức năng quản lý nền kinh tế.

Đã có một thời kỳ, cách đây không lâu, kéo dài nhiều thập kỷ khái niệm lạm phát hoặc con bệnh lạm phát không tồn tại trong các nước xã hội chủ nghĩa. Về lôgic điều này liên quan đến tính kế hoạch được quán triệt thành nguyên tắc cao nhất, chi phối thực tiễn lãnh đạo và quản lý nền kinh tế xã hội

chủ nghĩa. Đồng thời cũng liên quan đến tính phi hàng hoá, tính hàng hoá hình thức mà thực chất là tính hiện vật được phổ biến tồn tại trong mọi quan hệ kinh tế. Về thực tiễn, ở các nền kinh tế được kế hoạch hoá cao độ, toàn bộ các chỉ tiêu kinh tế, trong đó giá cả hàng hoá và dịch vụ, tỷ giá hối đoái và lãi suất v.v... tức là cả hệ thống chỉ tiêu giá trị đều được Nhà nước xã hội chủ nghĩa quy định và quyết định sự tăng giảm vận động của nó. Hơn nữa chính sách giá cả của các nước này được áp dụng nhất quán theo phương châm ổn định lâu dài (có khi mấy chục năm không đổi) và phần đầu không ngừng hạ giá hàng hoá và dịch vụ trong nền kinh tế. Tiền tệ và giá cả được xem như là các phương tiện (đại lượng, đơn vị) thuần túy mang tính kỹ thuật tính toán để đo đếm về số lượng sản phẩm làm ra và tiêu dùng trong xã hội. Thật dễ hiểu, trong bối cảnh như vậy tất yếu dẫn đến sự ngộ nhận nói trên: Kinh tế xã hội chủ nghĩa không tồn tại lạm phát. Đó chỉ là hiện tượng và hơn nữa là con bệnh thuộc "tứ chứng nan y" riêng có của kinh tế tư bản chủ nghĩa. Thậm chí đó là biểu hiện tất yếu của mâu thuẫn nội tại của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Mặt khác không tồn tại một loại bệnh như thế (lạm phát) là một ưu việt của kinh tế kế hoạch hoá hoặc kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Sự thật không phải như vậy. Sở dĩ nhận thức trên đây chỉ là sự ngộ nhận vì nó không phù hợp với thực tế kinh tế dù trong những thập kỷ đã được kế hoạch hoá cao độ. Ở tất cả các nền kinh tế như thế chưa bao giờ thủ tiêu hoàn toàn được cái gọi là thị trường tự do hay thị trường không có tổ chức bên cạnh thị trường có tổ chức, giá cả được ấn định bằng các mệnh lệnh hành chính của Nhà nước. Dù tỷ trọng giữa hai thị trường này không phải luôn luôn như nhau song trên thị trường không có tổ chức giá cả hình thành và vận động theo quy luật của kinh tế hàng hoá-quy luật cung cầu. Số liệu thống kê khách quan thực tiễn vận động giá cả trên thị trường này ở tất cả các nước nói trên về mọi thời kỳ đều có mức tăng đáng kể. Đó chính là một nền kinh tế, trong đó phần giá ổn định là lạm phát đã bị che đậy bởi nó không vận động theo quy luật kinh

tế mà bị áp đặt theo ý muốn của Nhà nước. Còn phần kia của thị trường tuy nhỏ hơn về tỷ trọng nhưng quy luật kinh tế hàng hoá đã tự mở đường cho mình, giá cả đã là chỉ số lạm phát. Tuy nhiên ở thị trường có tổ chức giá cả ổn định hầu như tuyệt đối thì lạm phát bị che đậy hoặc như một tên gọi khác là "lạm phát ngầm". Có thể rút ra một kết luận là chúng ta nên kinh tế vận động hợp quy luật (ở đây là kinh tế hàng hoá) tất nhiên không có ^{ngoại} lệ nào cả, lạm phát là hiện tượng phổ biến. Đó không phải là hiện tượng và con bệnh riêng có của chủ nghĩa tư bản mà là sản phẩm tất yếu của kinh tế hàng hoá, kinh tế thị trường.

Ở nước ta lạm phát đã xuất hiện từ lâu trong các thời kỳ trước cách mạng Tháng 8-1945, trong thời kỳ kháng chiến 9 năm ở vùng giải phóng cũng như vùng tạm chiếm, trong thời kỳ phát triển kinh tế ở miền Bắc cũng như trong nền kinh tế thuộc chính quyền Sài Gòn kiểm soát. Sau 1975 nền kinh tế phát triển trong phạm vi cả nước cũng đã trải qua các giai đoạn khác nhau của lạm phát và công cuộc chống lạm phát cho đến nay vẫn chưa kết thúc.

Cũng như trong các thời kỳ trước đây, những năm của thập kỷ 80 vừa qua con bệnh lạm phát đã là một lực cản sự ổn định, khôi phục sau chiến tranh và phát triển kinh tế nước ta trong thời bình. Tuy nhiên cũng chỉ sau khi con bệnh lạm phát bùng nổ thành siêu lạm phát với những hệ quả cực kỳ tai hại về kinh tế và xã hội trong những năm thuộc 1/2 sau của thập kỷ này thì chính sách chống lạm phát, kiềm chế và đẩy lùi siêu lạm phát, tiến tới kiểm soát mới trở thành vấn đề có ý nghĩa chiến lược quan trọng, một vấn đề ưu tiên trong việc hoạch định chính sách kinh tế vĩ mô tương xứng với vai trò của chính sách đó của giai đoạn phát triển nhanh nền kinh tế của đất nước ta. Cần khẳng định một cột mốc lịch sử tư duy kinh tế và quyết sách chiến lược có tầm quan trọng là Nghị quyết của Bộ Chính trị được ban hành năm 1988. Có thể xem đó là sự khởi đầu có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ quá trình chống lạm phát ở nước ta.

Cũng trong thập kỷ vừa qua các tập thể và cá nhân các nhà nghiên cứu kinh tế mới bắt đầu quan tâm đến vấn đề thời sự nóng bỏng này của chính sách kinh tế vĩ mô quan trọng. Đã có nhiều cuộc hội thảo, nhiều công trình nghiên cứu, nhiều kiến nghị của tập thể và cá nhân xung quanh chủ đề này.

Cùng với công cuộc đổi mới kinh tế do Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đề xướng, công cuộc chống lạm phát, kiềm chế và đẩy lùi siêu lạm phát tiến tới kiểm soát lạm phát ở nước ta, đặc biệt là trong gần 5 năm lại đây đã thu được những kết quả bước đầu rất quan trọng. Chúng ta cũng tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tiễn quý báu trong vấn đề chống lạm phát.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước KX.03.10 có tên "Những nguyên nhân của tình trạng lạm phát kéo dài ở nước ta. Luận cứ khoa học của những biện pháp kiềm chế và giảm lạm phát ở Việt Nam", thuộc hệ thống các đề tài của Chương trình KX.03 được thực hiện nhằm hệ thống hoá, tiếp thu những kiến thức khoa học và kinh nghiệm thực tiễn trong và ngoài nước với các mục tiêu sau đây :

- Phân tích các giai đoạn của quá trình lạm phát và chống lạm phát ở nước ta trong những năm từ đầu thập kỷ 80 lại đây.

- Phân tích những đặc trưng và nguyên nhân lạm phát ở nước ta.

- Kiến nghị các giải pháp chủ yếu để thực thi có kết quả công cuộc chống lạm phát (kiềm chế và giảm lạm phát) và kiểm soát lạm phát trong giai đoạn hiện nay và sắp tới.

Nội dung của đề tài được trình bày qua các chương sau đây; mỗi chương ứng với một chuyên đề :

Chuyên đề thứ nhất : "Nguyên nhân, thực trạng và quá trình chống lạm phát ở Việt Nam".

Chuyên đề thứ hai : "Hệ thống các quan điểm định hướng cho các giải pháp cơ bản chống lạm phát ở Việt Nam".

Chuyên đề thứ ba : "Những giải pháp kiềm chế và giảm lạm phát để ổn định nền kinh tế Việt Nam".

Chuyên đề thứ tư : "Những giải pháp ổn định sức mua đồng tiền thông qua điều hành giá vàng và tỷ giá đồng Việt Nam/ngoại tệ (USD)".

Chuyên đề thứ năm : "Đánh giá các khả năng tái xuất hiện giảm phát và những kiến nghị, giải pháp đề phòng".

(Riêng chuyên đề thứ nhất, do nội dung và yêu cầu nhằm vào mục tiêu của đề tài gồm hai phần lớn, giành cho mỗi phần (A và B) một nội dung xác định : thực trạng và nguyên nhân).

+†+

Đề tài được thực hiện theo sự chỉ đạo định hướng mục tiêu của Ban Chủ nhiệm Chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước ký hiệu KK.03. Lực lượng cán bộ khoa học có liên quan nội dung đề tài ở các ngành, các Viện, các trường đã có sự tham gia bằng hình thức cố vấn và cộng tác viên : Phương thức tham gia là đóng góp tư liệu, thảo luận khoa học, viết các bài chuyên khảo; tham gia tư vấn từng vấn đề ở từng giai đoạn của tiến trình : chuẩn bị, xây dựng đề cương, bảo vệ đề cương, định hướng triển khai và trực tiếp tham gia thực hiện từng phần của đề tài, nhất là trong năm 1992 và năm 1993. Đã tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm, trao đổi khoa học rộng và hẹp tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Đã thu thập một khối lượng lớn tư liệu và thông tin, các công trình (sách, báo) trong và ngoài nước trực tiếp liên quan đến nội dung của đề tài.

Đương nhiên, Chủ nhiệm đề tài kiêm chủ biên công trình nghiên cứu này cùng tập thể tác giả của các chuyên đề hợp thành của nó, chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung, các kết luận, các kiến nghị rút ra từ kết quả nghiên cứu. Mặc dù như

vậy chủ nhiệm, chủ biên và tập thể trực tiếp là tác giả của từng chuyên đề tự đánh giá rằng các thiếu sót thậm chí có những khuyết điểm khó tránh khỏi đều thuộc về trách nhiệm chưa thu hút và tiếp thu đầy đủ trí tuệ tập thể các nhà khoa học, cán bộ hoạt động thực tiễn đã đạt được trong những năm nghiên cứu của họ cũng như đã đóng góp trực tiếp cho các chuyên đề trong hai năm qua.

Tập thể tác giả của công trình nghiên cứu này ý thức rất rõ việc sử dụng chỉ số giá bán lẻ hàng tiêu dùng và dịch vụ làm thước đo mức độ lạm phát ở nước ta qua các giai đoạn của quá trình lạm phát đã kéo dài nhiều thập kỷ trong nền kinh tế, có những khiếm khuyết sau đây :

1/ Trong nhiều năm số liệu thống kê chỉ số vật giá ở nước ta được tách thành 3 loại chỉ số : Chỉ số giá bán lẻ thị trường có tổ chức, của thị trường không có tổ chức (hoặc thị trường tự do) và chỉ số chung của cái gọi là thị trường xã hội (với nội dung là chỉ số bình quân giá cả hai thị trường đầu). Hơn nữa cả 3 loại chỉ số đó đều có những nhược điểm.

2/ Ngay từ mấy năm gần đây khi không còn sự phân biệt hai loại thị trường hai loại hình giá cả, phần lớn giá cả vận động theo cơ chế thị trường, thì chỉ số biến động của nó cũng chưa phản ánh chính xác (nhất là quyền số để tính chỉ số giá bình quân-chỉ số chung của nhóm hàng, loại hàng và chỉ số chung giá hàng tiêu dùng và dịch vụ); khả năng biểu hiện mức độ lạm phát có khoảng cách khá lớn (thường là thấp hơn nhiều) so chỉ số giá tính cho toàn bộ tổng sản phẩm trong nước.

Song, tập thể tác giả đã chọn phương án hiện thực có độ chính xác tương đối, tức là vẫn phải dùng chỉ số giá do Tổng cục Thống kê công bố hàng tháng, 6 tháng, 9 tháng và hàng năm để làm tư liệu chính cho sự phân tích của các chuyên đề với nhận thức là giá trị so sánh qua các thời gian và các nhóm hàng của các chỉ số nói trên của Tổng cục Thống kê thực sự đã được xác nhận như biểu đồ của sự diễn biến mức độ lạm phát ở nước ta.